

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KT
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 12 - 2020
V/v tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hiền;
2. Bà Trần Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Công- là thư ký Tòa án nhân dân thị xã KT.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã KT, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/11/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 29/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/11/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Thu Th, sinh năm 1993; (có mặt).

Địa chỉ: Ấp GD, xã BH, thị xã KT, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Phan Văn Hồng L, sinh năm 1986. (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp GD, xã BH, thị xã KT, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và phần trình bày của bà Phan Thị Thu Th trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa như sau:

Bà Th và ông Phan Văn Hồng L tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 02/6/2016 tại UBND xã BH, thị xã KT. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bà Th phải gánh vác mọi công chuyện trong gia đình, tính tình ông L cọc cằn, không tôn trọng vợ. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, hiện đã không còn sống chung khoảng 05 tháng nay. Từ khi vợ chồng không còn sống chung đến nay cũng như từ khi Tòa án mời hòa giải đến nay ông L không thể hiện thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà Th vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Phan Văn Hồng L.

Về con chung: 01 con chung là Phan Phi Ph, sinh ngày 17/9/2016. Hiện con chung đang được bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn bà Th yêu cầu được nuôi con, theo đơn khởi kiện thì bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng, tuy nhiên trong quá trình Tòa án

giải quyết bà nhận thấy do điều kiện nuôi con chi phí hiện nay khoảng 3.000.000 đồng/tháng, mặc dù bà có nghề nghiệp ổn định có khả năng nuôi con nhưng vẫn mong muốn yêu cầu ông L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng từ tháng 01/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th và ông L không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan Văn Hồng L vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình hòa giải ông L Trình bày:

Ông L và bà Th tiến đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng cũng có những mâu thuẫn cãi vã, ông thừa nhận có những thiếu sót. Tuy nhiên ông không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, ông L hứa sẽ thay đổi để bù đắp cho vợ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Phi Ph, sinh ngày 17/9/2016. Hiện cháu đang ở với bà Th. Nếu phải ly hôn thì ông L yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (trích lục); Bản sao giấy khai sinh con chung; Giấy xác nhận của địa phương về mâu thuẫn vợ chồng và việc bà Th đang trực tiếp nuôi con; Đơn xác nhận nơi cư trú.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phan Thị Thu Th nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông Phan Văn Hồng L có địa chỉ cư trú tại xã BH, thị xã KT nên căn cứ vào Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã KT.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt đương sự: Bị đơn là ông L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Căn cứ phần trình bày của đương sự và tài liệu chứng cứ mà đương sự cung cấp thể hiện bà Th và ông L tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BH, thị xã KT nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà Th yêu cầu ly hôn vì cho rằng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn thường xuyên cãi vã, không hạnh phúc, đã không còn sống chung. Bị đơn ông L trình bày ý kiến trong quá trình hòa giải là không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, hứa sẽ thay đổi bản thân. Tại phiên tòa, bà Th vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và trình bày từ khi không còn sống chung đến nay thì ông L cũng không gặp bà để hòa giải mâu thuẫn. Vụ án được đưa ra xét xử nhưng ông L vắng mặt không

có lý do, như vậy chứng tỏ ông L không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Qua đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Th và ông L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của các bên không đạt được, nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th.

Về con chung: Bà Th và ông L có **01 con chung tên** Phan Phi Ph, sinh ngày 17/9/2016, giới tính nữ. Bà Th yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông L cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng. Ngược lại ông L trình bày yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, con chung hiện đang do bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình, để đảm bảo sự ổn định về tâm lý và phát triển bình thường của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của bà Th cho bà Th được tiếp tục nuôi con chung.

Về cấp dưỡng, xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ và cũng là sự thể hiện trách nhiệm của cha mẹ đối với con chung. Xét mức cấp dưỡng bà Th yêu cầu 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp với điều kiện thu nhập của ông L như bà Th trình bày là làm mướn, và nhu cầu thiết yếu trong việc nuôi dưỡng con chung nên cần được chấp nhận. Thời gian cấp dưỡng tính từ 01/01/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Tại phiên tòa, bà Th trình bày vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết. Bị đơn ông L trình bày trong quá trình hòa giải về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, sau này các đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Phan Thị Thu Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật. Ông Phan Văn Hồng L phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, **35, 39, 147, 227, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;**

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Phan Thị Thu Th.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Thu Th được ly hôn với ông Phan Văn Hồng L.

Về con chung: Bà Phan Thị Thu Th được trực tiếp nuôi con chung **tên** Phan Phi Ph, sinh ngày 17/9/2016, giới tính: Nữ. Ông Phan Văn Hồng L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian **cấp dưỡng tính từ ngày 01/01/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.**

Ông Phan Văn Hồng L có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp ông L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà Phan Thị Thu Th có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bà Phan Thị Thu Th cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bà Th, ông L, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phan Thị Thu Th phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009399 ngày 06/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã KT. Bà Phan Thị Thu Th đã nộp đủ án phí. Ông Phan Văn Hồng L phải nộp 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Phan Thị Thu Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phan Văn Hồng L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thị xã KT;
- Chi cục THADS thị xã KT;
- Các đương sự;
- **UBND xã BH**, thị xã KT, tỉnh Long An (**để ghi vào sổ hộ tịch**);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Dương Thị Tuyết Nhung